

Bản án: **182 /2020/HNGĐ- ST**

Ngày: 29/4/2020

V/v : *Tranh chấp xác định cha*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị An**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đỗ Quang Linh**
Bà Chu Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: **Bà Lê Hồng Hạnh** – Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Xuân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp xác định cha cho con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: **Chị Từ Thị Thu T**, sinh năm 1977.

HKTT: Số 01XX, tập thể TCHC, phường A, quận B, thành phố Hà Nội;
Nơi cư trú: Căn hộ số XX, tầng 1X, R2X Royal City, 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

- Bị đơn: **Ông Phan Văn C**, sinh năm 1948.

HKTT và nơi cư trú: Số XX, ngõ XX, tổ XX, đường Nguyễn T, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Năm 1969, bà Vũ Thị Ch, sinh ngày 20/7/1948 kết hôn với ông Từ Mạnh H, sinh ngày 27/7/1940, hai ông bà sinh được một người con chung là anh Từ Vũ H, sinh ngày 27/8/1970. Sau đó, ông Từ Mạnh H tham gia C tác chiến trường B, bà Vũ Thị Ch ở lại Hà Nội công tác tại Vụ Xây dựng cơ bản Tổng cục

Bru điện và chăm sóc anh Từ Vũ H. Trong thời gian công tác, bà Ch có quan hệ tình cảm với ông Phan Văn C, sinh ngày: 02/3/1948, là cán bộ cùng cơ quan với bà Ch, đến ngày 02/4/1977 thì bà Ch sinh ra chị Từ Thị Thu T. Tại thời điểm đó, ông H và bà Ch chưa ly hôn, nên khi làm thủ tục khai sinh cho chị T, bà Ch đã nhờ ông Nguyễn Đức C, là người cùng cơ quan đi làm giấy khai sinh và tại mục người cha đứng tên trong giấy khai sinh của chị T là ông Từ Mạnh H nên chị T mang họ “Từ” của ông H. Tuy nhiên, vì không nắm rõ lý lịch của ông H nên ông C đã khai không đúng năm sinh của ông H, bởi ông H sinh năm 1940 chứ không phải sinh năm 1947 như trong Giấy khai sinh của chị T.

Sau đó ông H, bà Ch đã làm thủ tục ly hôn và ngày 28/02/1979, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã ra Bản án số 05 ngày 28/02/1979, quyết định C nhận thuận tình ly hôn giữa ông Từ Mạnh H và bà Vũ Thị Ch. Khi chị T trưởng thành thì bà Ch có nói chuyện với chị T việc ông H không nhận chị T là con đẻ bởi cha đẻ của chị T chính là ông Phan Văn C. Chính vì vậy, trong Phiếu cá nhân của cán bộ quân đội về hưu ngày 24/12/1979, ông H đã khai tại mục hoàn cảnh gia đình là: “Tên, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở của vợ: Vũ Thị Ch đã ly hôn tại án số 5 ngày 28/02/1979 Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao; Tên, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở của các con: Từ Vũ H, 10 tuổi ở với cha”. Thời điểm này, chị T đã hơn 02 tuổi nhưng ông H không kê khai vào phiếu cá nhân bởi cho rằng chị T không phải là con đẻ của ông H.

Sau khi ông Từ Mạnh H và bà Vũ Thị Ch ly hôn thì bà Ch đã chính thức kết hôn với ông Phan Văn C vào ngày 21/01/1982 tại UBND quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Sau đó, ông C và bà Ch có sinh thêm chị Phan Thị Thu T, sinh ngày 14/11/1982, ông Từ Mạnh H đã trở về Đà Nẵng và kết hôn với bà Đặng Thị V, sinh năm 1951 tại UBND phường Xuân Hà, thành phố Đà Nẵng ngày 26/4/1982.

Hiện ông H mất ngày 05/11/2010 và bà Ch mất ngày 26/12/2017.

Nay chị T xin được xác định ông Phan Văn C là cha đẻ để có điều kiện chăm sóc.

Ông Phan Văn C có bản tự khai: Ông và bà Vũ Thị Ch trong quá trình C tác có nảy sinh tình cảm. Ngày 02/4/1977 bà Ch đã sinh ra chị Từ Thị Thu T. Tại thời điểm đó, ông H và bà Ch chưa ly hôn, nên khi làm thủ tục khai sinh cho chị T, bà Ch đã nhờ ông Nguyễn Đức C, là người cùng cơ quan đi làm giấy khai sinh. Việc ông Từ Mạnh H trong giấy khai sinh của chị T có ghi là sinh năm 1947 là do kê khai nhầm lẫn thực tế ông Từ Mạnh H sinh năm 1940. Nay ông cũng xác định là cha đẻ của chị T nên đề nghị tòa án xem xét.

Tại bản trình bày của bà Đặng Thị V cũng xác nhận ông Từ Mạnh H, sinh ngày 27/7/1940; nguyên quán: Thuận A, Xuân H, Đà Nẵng đã kết hôn với bà ngày 26/04/1982 tại UBND phường Xuân Hà, thành phố Đà Nẵng. Trước khi kết hôn với bà, ông Từ Mạnh H đã có vợ là bà Vũ Thị Ch, sinh năm: 1948; nguyên quán: thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà Ch đã có với nhau 02 người con là anh Từ Vũ Hải, sinh năm 1970 và chị Từ Thị Thu T, sinh năm 1977. Sau đó, giữa ông H và bà Ch phát sinh mâu thuẫn về tình cảm và sống ly thân đến năm 1979 thì hai người làm thủ tục ly hôn.

Trong Phiếu cá nhân của cán bộ quân đội về hưu ngày 24/12/1079 của ông H hiện bà đang lưu giữ thể hiện ông H đã khai con: Từ Vũ H, 10 tuổi ở với cha”, lúc này chị T đã hơn 02 tuổi nhưng ông H không hề kê khai vào phiếu cá nhân vì cho rằng chị T không phải là con đẻ của ông H. Hiện nay, gia đình bà với anh H, chị T vẫn giữ quan hệ mật thiết với nhau.

Anh Từ Vũ H cũng trao đổi: Chị Từ Thị Thu T với anh có quan hệ anh em, nay anh cũng đang sinh sống cùng với chị Từ Thị Thu T. Việc ông Từ Mạnh H trong giấy khai sinh của chị T có ghi là sinh năm 1947 là do kê khai nhầm lẫn thực tế ông Từ Mạnh H sinh năm 1940. Nay chị T xin xác định cha là ông Phan Văn C đề nghị tòa án xem xét.

Tại phiên tòa: Chị Từ Thị Thu T và ông Phan Văn C có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin xác định cha của chị Từ Thị Thu T: Xác định ông Phan Văn C là cha đẻ của chị Từ Thị Thu T. Ông Từ Mạnh H không phải là cha đẻ của chị Từ Thị Thu T.

Chị Từ Thị Thu T phải nộp án phí về việc xác định cha cho con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu thu thập Ông Phan Văn C và chị Từ Thị Thu T đều sinh sống tại quận Thanh Xuân, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Từ Thị Thu T và ông Phan Văn C đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T và ông C là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các vấn đề giải quyết trong vụ án:

Theo yêu cầu của chị Từ Thị Thu T, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đã ra Quyết định Trưng cầu giám định số 15/2020/QĐ-TCGD ngày 02 tháng 3 năm 2020.

Tại bản Kết luận giám định số 65/C09-TT3 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

Ông Phan Văn C là cha đẻ của chị Từ Thị Thu T.

Bản Kết luận giám định phù hợp với lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Căn cứ Điều 88, 90, 101 và 102 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015, có cơ sở xác định ông Phan Văn C là cha đẻ của chị Từ Thị Thu T. Ông Từ Mạnh H không phải là cha đẻ của chị Từ Thị Thu T.

Về án phí: Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 khoản II mục A- Danh mục án phí lệ phí; Chị Từ Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, Điều 63, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 88, Điều 90; Điều 101 và Điều 102 luật Hôn nhân gia đình năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 khoản II mục A- Danh mục án phí lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin xác định cha của chị Từ Thị Thu T.

Xác định ông Phan Văn C là cha đẻ của chị Từ Thị Thu T

Xác định ông Từ Mạnh H không phải là cha đẻ của chị Từ Thị Thu T.

Về án phí: Chị Từ Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình. Chị T đã nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006865 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Án xử C khai sơ thẩm, chị T và ông C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- THADS quận Thanh Xuân;
- Các đương sự;
- Cơ quan đang ký hộ tịch
- Lưu HS, .

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÁN TÒA**

Bùi Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND quĩn Thanh Xuân;
- THADS quĩn Thanh Xuân;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký hộ tịch
- Lu HS, .

tm. Húi ỏảng xĐt xỏ s- thỀm
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Bii ThP An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nội nhện:

- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND quện Thanh Xuôn;
- THADS quện Thanh Xuôn;
- Các đương sự;
- Lu HS, .

tm. Húi ằng xĐt xö s- thEm
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Búi ThĐ An

